

Bản án số: 32/2022/DS - PT

Ngày: 28/4/2022

V/v: Tranh chấp tiền đền bù đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất (tiền đền bù đất). Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1969; có mặt.

1.2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1975 (vợ ông D, có mặt). Bà H ủy quyền cho ông Phạm Văn D, Địa chỉ: Xóm BL (LC cũ) xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên;

2. Bị đơn: Ông Dương Thế L, sinh năm 1931 (đã chết tháng 01/2022); Địa chỉ: Xóm BL (LC cũ) xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L, đồng thời là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Dương Xuân Tr, sinh năm 1958; có mặt.

2.2. Bà Dương Thị V, sinh năm 1960; vắng mặt.

2.3. Ông Dương Thế G, sinh năm 1964; vắng mặt.

2.4. Ông Dương Văn B, sinh năm 1966; có mặt.

2.5. Bà Dương Thị T, sinh năm 1968; vắng mặt.

2.6. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.7. Bà Dương Thị T2, sinh năm 1977; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr, bà V , bà T, bà T2: Ông Dương Thế G ; ông Dương Văn B ; bà Dương Thị T1.

Đều trú tại: Xóm BL (LC cũ) xã TQ , thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tiến M , Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố SC ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1968; có mặt.

Địa chỉ: Xóm Mới, xã TQ ,TP SC , tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Hồng Th ;có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Đặng Thị Hồng Th , cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC ; địa chỉ: tổ 12, phường TL, TP SC , tỉnh Thái Nguyên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên, đại diện theo pháp luật: Ông Nông Duy K , Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Chu Hải H1 , địa chỉ: xóm TT , xã TQ , thành phố SC , Thái Nguyên; có mặt.

4.2. Ông Bùi Quốc T4 ; địa chỉ: xóm BL , xã TQ , thành phố SC , Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn D , bà Dương Thị H trình bày: Vợ chồng ông bà có thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I, xóm LC cũ, xã TQ , thành phố SC , diện tích 410m² đất lúa màu (diện tích thực tế 437m²). Nguồn gốc đất là của gia đình ông Trần Văn Ch đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02679 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Trần Văn Ch , tại xã TQ , thị xã (nay là thành phố) SC . Năm 1992 Hợp tác xã LD đã điều chỉnh thửa ruộng này từ nhà ông Ch sang cho bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ đẻ ông D). Sau đó vợ chồng ông Phạm Ngọc V1 (ông V1 chết năm 1995) và bà Nguyễn Thị Đ cho vợ chồng ông D canh tác, sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp từ năm 1993, tuy nhiên ông D chưa làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tranh chấp phát sinh năm 2018 với hộ ông Dương Thế L khi Nhà nước tiến hành thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I trong quá trình thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp SC II (giai đoạn 1; đợt 3, diện tích 50ha). Số tiền bồi thường là 123.758.400đồng được các bên thống nhất gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam chi nhánh thành phố SC

, đứng tên cán bộ của Trung tâm phát triển quỹ đất, chờ chi trả theo quyết định của Tòa án.

Nay vợ chồng ông đề nghị Tòa án giải quyết công nhận số tiền 123.758.400 đồng nhà nước đã bồi thường thửa đất số 88, diện tích thực tế 437m², tờ bản đồ địa chính 114-I có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ, TP SC, tỉnh Thái Nguyên cùng với tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2019 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông.

Ông Dương Thế G, ông Dương Văn B, bà Dương Thị T1 là đại diện theo ủy quyền cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr, bà V, bà T, bà T2 trình bày: Về nguồn gốc đất tại thửa 88, diện tích thực tế 437m², tờ bản đồ địa chính 114-I, có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ, TP SC, tỉnh Thái Nguyên đã được nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thế L từ năm 1991 (Giấy chứng nhận số A 224363, số vào sổ 02693 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Dương Thế L) và canh tác từ đó không có tranh chấp với ai. Năm 2019 nhà nước thu hồi đất (bà Dương Thị B2 chết năm 2019), khi thu hồi thửa 88 nhà nước đã bồi thường số tiền 123.758.400 đồng cho ông Dương Thế L nhưng gia đình ông Phạm Văn D cùng xóm với ông L đã nhận thửa ruộng số 88 là của gia đình họ và tranh chấp số tiền bồi thường này với ông Dương Thế L.

Nay gia đình ông Dương Thế L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Dương, bà Huấn. Gia đình ông L đề nghị Tòa án giải quyết công nhận số tiền 123.758.400 đồng nhà nước đã thu hồi và bồi thường thửa đất số 88, diện tích thực tế 437m², tờ bản đồ địa chính 114-I có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ, TP SC, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu của ông Dương Thế L.

*** Tài liệu, chứng cứ được các đương sự cung cấp:**

Nguyên đơn ông Phạm Văn D cung cấp bản sao sổ thuế nông nghiệp gia đình của hộ bà Nguyễn Thị Đ, bản sao Sổ quản lý các khoản đóng góp của nhân dân hàng năm của hộ ông Phạm Văn D đều thể hiện diện tích ruộng giao khoán có thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I, xứ đồng Ao Làng, diện tích 410m² (giáp thửa số 86); biên bản hòa giải tại UBND xã TQ; Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố SC về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng Khu Công nghiệp SC II (giai đoạn 1; đợt 3, diện tích 50 ha)- trình đợt 4 của UBND TP SC). Trong đó số tiền bồi thường 123.758.400 đồng bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, thương bản giao mặt bằng trước thời hạn.

Phía bị đơn cung cấp: bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224363, số vào sổ 02693 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Dương Thế L tại xã TQ, thị xã (nay là thành phố) SC, diện tích

490m² đất 01 lúa; bản sao Sổ thuế nông nghiệp gia đình; 01 bản phô tô sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1995, bản phô tô một số thông báo và biên lai thu thuế sử dụng đất năm 1999, 2000, 2001; bản phô tô báo cáo diện tích ruộng các hộ đang sử dụng.

Phía bị đơn cho rằng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong các tài liệu còn lại không thể hiện thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I là do có thể thửa đất này đã được tính nhầm sang ruộng ngoài khoán. Vì tổng ruộng ngoài khoán và vườn tạp của hộ ông L là 5.150m², vườn tạp trong bìa đồ là 3.730m², ruộng ngoài khoán sổ theo dõi là 1.080m², vậy còn 340m² chưa có trong sổ theo dõi chính là thửa 88, tờ bản đồ 114-I. Diện tích không phải là 490m² theo Giấy chứng nhận có thể do nhầm lẫn.

*** Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đối với cá nhân, cơ quan tổ chức có liên quan. Tại các biên bản làm việc, biên bản xác minh tại UBND xã TQ xác định: Qua kiểm tra đối chiếu tại sổ mục kê đất do UBND xã quản lý thì thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I có diện tích 410 m² lúa màu. Tại sổ địa chính thể hiện hộ ông Trần Văn Ch (HTX LD) sử dụng thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I, diện tích 410 m² lúa màu. Hộ ông Dương Thế L (đội 1 HTX LD) sử dụng thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I, diện tích 490 m² đất lúa màu. Thửa đất số 225 (88) tờ bản đồ 114-I xã TQ có nguồn gốc là của hộ ông Trần Văn Ch . Hộ ông Ch đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/1991. Năm 1993 Hợp tác xã điều chỉnh thửa ruộng này từ nhà ông Ch sang cho bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ ông Phạm Văn D) sử dụng, sau đó bà Đ cho vợ chồng ông D sử dụng ổn định từ năm 1993 đến khi bị thu hồi. Hộ ông Dương Thế L chưa bao giờ sử dụng thửa đất này.

Tòa án đã tiến hành xác minh với các cá nhân là những người có chức vụ quản lý trong HTX LD vào năm 1992. Thời điểm đó ông Chu Hải H1 là chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Bùi Quốc T4 là đội trưởng đội sản xuất xác định: Năm 1992, để ổn định ruộng đất theo chủ trương của Nhà nước cho người sử dụng lâu dài, qua đối chiếu, cân đối thì nhà ông Ch sử dụng thửa diện tích ruộng nên HTX đã điều chỉnh lại thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I từ nhà ông Ch sang nhà bà Đ . Bà Đ cho vợ chồng anh D quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1993 không có tranh chấp. Còn thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I diện tích 490m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thế L thì HTX không biết và không quản lý. Thực tế thửa đất hiện có tranh chấp về tiền bồi thường gia đình ông L chưa bao giờ sử dụng. Ông H1, ông T4 xác định tại biên bản làm việc ngày 18/7/2019 tại xã TQ ông H1, ông T4 có ý kiến cho rằng HTX điều chỉnh thửa ruộng số 88, tờ bản đồ 114-I từ nhà ông L sang nhà bà Đ là có sự nhầm lẫn. Ông T4 cung cấp một sổ giao đất và điều chỉnh ruộng cho các hộ năm 1992. Thể hiện ông L được giao 09 thửa ruộng trong đó không có thửa số 88, tờ

bản đồ 114-I. Hộ bà Đ được giao 10 thửa ruộng trong đó thể hiện thửa số 88, tờ bản đồ 114-I diện tích 410m². Năm 1992 trong danh sách các hộ trả ruộng có thể hiện hộ ông Ch đã trả cho HTX thửa ruộng số 88, tờ bản đồ 114-I diện tích 410m², loại 6, xứ đồng Ao Làng.

Tòa án tiến hành làm việc với ông Trần Văn T3 (là con trai ông Trần Văn Ch) xác định: Ông Ch đã mất tháng 5 năm 2020. Toàn bộ ruộng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224379, số vào sổ 02679 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Trần Văn Ch (trong đó thể hiện thửa số 88, tờ bản đồ 114-I, diện tích 410m²) đã được các đồng thừa kế thỏa thuận giao cho ông T3 quản lý sử dụng. Năm 1993 do chủ trương điều chỉnh ruộng đất của HTX LD thì gia đình ông đã trả lại thửa ruộng trên cho Hợp tác xã. Thửa ruộng này không được tách ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông nhưng thực tế đã được điều chỉnh sang cho hộ bà Nguyễn Thị Đ . Năm 1993 bà Đ giao cho anh D quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. Gia đình ông Dương Thế L chưa bao giờ canh tác, sử dụng đối với thửa đất này. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224379 cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Trần Văn Ch hiện đã được thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án.

Tòa án đã có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với UBND thành phố SC , đề nghị cung cấp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224363, số vào sổ 02693 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Dương Thế L và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224379, số vào sổ 02679 QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Trần Văn Ch . Nhưng hiện nay hồ sơ lưu trữ đã không còn nên không thể cung cấp. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố SC cung cấp trích lục bản đồ địa chính đo đạc năm 1987 thể hiện: thửa đất số 88, tờ bản đồ địa chính 114-I, diện tích 410m², mục đích sử dụng đất (BHK). Vị trí tiếp giáp các thửa 86, 70, 89.

UBND thành phố SC đã cung cấp hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 225(88), tờ bản đồ 114-I, xóm LC , xã TQ , thành phố SC trong quá trình thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp SC II (giai đoạn 1; đợt 3, diện tích 50ha)- Trình đợt 4. Số tiền bồi thường là 123.758.400 đồng bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ đất, bồi thường sản lượng đất nông nghiệp, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, thương bản giao mặt bằng trước thời hạn. Số tiền bồi thường hiện đang tranh chấp là 123.758.400 đồng hiện đang được gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam Chi nhánh thành phố SC , đứng tên bà Đặng Thị Hồng Th , cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC từ ngày 11/9/2019.

Với nội dung nêu trên tại bản án số 14 ngày 24/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố SC đã xét xử và quyết định:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 159, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 74, Điều 77 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D và bà Dương Thị H .

2. Ông Phạm Văn D , bà Dương Thị H được quyền sở hữu toàn bộ số tiền gốc là 123.758.400 đồng (là tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với thửa đất số 88, diện tích thực tế 437m², tờ bản đồ địa chính 114-I có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ , TP SC , tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND thành phố SC) và tiền lãi phát sinh tại tài khoản số 8509601565506 của Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00016884626 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam chi nhánh thành phố SC , Thái Nguyên, ngày phát hành 11/9/2019 đứng tên chị Đặng Thị Hồng Th là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC , Thái Nguyên. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC và chị Đặng Thị Hồng Th có trách nhiệm phối hợp làm thủ tục chi trả cho ông D, bà H số tiền gốc và lãi phát sinh.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Thế L là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Ông Phạm Văn D được hoàn trả 3.100.000 đồng (Ba triệu, một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008066 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố SC , Thái Nguyên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2021 các ông bà Dương Thị T1, ông Dương Thế G , ông Dương Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm công nhận toàn bộ số tiền đền bù diện tích đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ địa chính 114-I có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ , TP SC là của gia đình các ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Dương Thị T1, ông Dương Thế G , ông Dương Văn B vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét chấp nhận một phần kháng

cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận QSD thửa đất số 88 là của ông L và xem xét đến công duy trì tôn tạo đất cho ông Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I, diện tích 410m² thuộc xứ đồng Ao Làng (nay là thửa 255 TBĐ trích đo 1, diện tích 437m² LUK), hiện đã bị thu hồi tại Quyết định số 1776/QĐ-UBND và Quyết định số 1777/QĐ-UBND cùng ngày 06/9/2019 của UBND thành phố SC tỉnh Thái Nguyên trong quá trình thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp SC II (giai đoạn 1; đợt 3, diện tích 50ha)- Trình đợt 4, số tiền bồi thường bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ đất, bồi thường sản lượng đất nông nghiệp, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn là 123.758.400 đồng (đây là số tiền bồi thường đang tranh chấp) hiện đang được gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam Chi nhánh thành phố SC .

[2] Ngày 11/02/1991 ông Trần Văn Ch (đã chết) và ông Dương Thế L (đã chết) cùng được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ . Diện tích thửa đất cấp trong giấy chứng nhận QSD đất của ông Ch là 410m², loại đất lúa màu, còn trong giấy CNQSD đất của ông Dương Thế L là 490m², loại đất 1 lúa. Tại văn bản trả lời số 1274 ngày 20/4/2022 của UBND thành phố SC cũng đã xác định “...thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất của ông Trần Văn Ch và Dương Thế L là cùng một thửa đất, cùng thông tin vị trí thửa đất...”

[3] Tại danh sách ghi các hộ trả lại ruộng HTX đã giao xã TQ năm 1992 thể hiện: Hộ ông Trần Văn Ch đã trả lại thửa ruộng số 88 tờ bản đồ 114-I diện tích 410m², loại 6, thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ và thửa đất này cũng bị gạch bỏ trong giấy CNQSD đất của ông Ch . Trong danh sách trả lại ruộng không thể hiện thửa đất này đã được giao cho ai quản lý, sử dụng và cũng không thấy có tên hộ ông L trả lại thửa ruộng này.

Ông Trần Văn T3 (con trai ông Trần Văn Ch) khai tại phiên tòa: Thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ trước năm 1991 gia đình không có thửa đất này và cũng không quản lý sử dụng, năm 1991 thì thửa đất được cấp trong giấy CNQSD của gia đình. Lời khai của ông T3 phù hợp với lời khai của ông Dương Văn B về việc gia đình ông đã sử dụng thửa đất 88 từ trước năm 1991 và ngày 11/02/1991 gia đình được cấp QSD đất mang tên Dương Thế L.

[4] Tại các biên bản hòa giải, làm việc L tại phòng dự án xã TQ thành phố SC và cụ thể tại biên bản ngày 18/7/2019, đã xác định: Thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ được giao khoán cho hộ ông Dương Văn L, năm 1991 hộ ông L được cấp giấy CNQSD đất, đến năm 1993 được HTX điều chuyển ruộng từ gia đình ông L sang cho bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ ông Phạm Văn D), sau đó cho ông D sử dụng, ông D sử dụng ổn định từ đó đến nay (BL 01-03; 16-17).

[5] Ông H1 và T4 cho rằng các ông đã có sự nhầm lẫn, thửa ruộng được cấp cho ông Ch, sau khi ông Ch trả lại ruộng thì đã được giao lại cho bà Đ và bà Đ giao lại cho anh D sử dụng từ năm 1993 đến nay, có tên trong sổ nộp thuế. Việc đất được giao cho bà Đ không có sổ sách giấy tờ gì, cũng không có xác nhận của chủ nhiệm HTX hay UBND phường (xã) thể hiện hộ bà Đ hay anh Dương được HTX hay UBND xã giao cho thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I thuộc xứ đồng Ao Làng xã TQ mà chỉ có duy nhất trong một tờ tổng hợp kê khai các thửa đất nộp thuế của bà Đ vào năm 1993 và của anh D vào năm 2007, ngoài ra thì không có ở bất kỳ tài liệu nào.

[6] Như vậy có thể khẳng định, hộ gia đình ông Dương Văn L đã quản lý sử dụng thửa ruộng cấy lúa từ trước năm 1991, năm 1991 thì được cấp giấy CNQSD đất. Việc điều chỉnh ruộng năm 1992, không có hộ ông L. Tòa án thành phố SC đã căn cứ vào kết quả xác minh qua lấy ý kiến của ông Chu Hải H1 là chủ nhiệm Hợp tác xã và ông Bùi Quốc T4 là đội trưởng đội sản xuất xã LD vào năm 1992. Có nội dung: *“Năm 1992 để ổn định ruộng đất cho người sử dụng lâu dài, qua đối chiếu, cân đối thì nhà ông Ch sử dụng thửa diện tích ruộng nên HTX đã điều chỉnh lại thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I từ nhà ông Ch sang nhà bà Đ. Bà Đ cho vợ chồng anh D quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1993 không có tranh chấp. Còn thửa đất số 88, tờ bản đồ 114-I diện tích 490m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thế L thì HTX không biết và không quản lý. Thực tế thửa đất hiện có tranh chấp về tiền bồi thường gia đình ông L chưa bao giờ sử dụng...”*. Ngoài ra còn căn cứ vào ý kiến trình bày của ông Hưng và ông Tuấn cho rằng đã có sự nhầm lẫn khi nêu ý kiến tại biên bản làm việc ngày 18/7/2019, về việc HTX điều chỉnh thửa ruộng số 88, tờ bản đồ 114-I từ nhà ông L sang nhà bà Đ; căn cứ vào tài liệu ông T4 cung cấp là sổ giao đất và điều chỉnh ruộng cho các hộ năm 1992, trong đó ông L được giao 09 thửa ruộng mà không có thửa số 88, tờ bản đồ 114-I và hộ bà Đ được giao 10 thửa ruộng có thể hiện thửa số 88, tờ bản đồ 114-I diện tích 410m²; danh sách các hộ trả ruộng năm 1992” để từ đó nhận định: *việc thửa đất số 88, tờ bản đồ địa chính 114-I xã TQ, thành phố SC có diện tích 410m² lúa màu được UBND thị xã SC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224379, số vào sổ 02679 QSDĐ/Q2 ngày 11/02/1991 mang tên ông Trần Văn Ch là hợp pháp, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 224363, số vào sổ 02693*

QSDĐ/Q2 do UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên ông Dương Thế L đã được cấp không đúng đối tượng sử dụng đất vì gia đình ông L chưa bao giờ sử dụng thửa đất này là chưa chính xác.

[7] Lời khai của anh Phạm Văn D và vợ là chị Dương Thị H, cũng như lời khai của ông Dương Văn B tại phiên tòa đều thể hiện: Trước năm 1993 cả gia đình ông Ch, bà Đ, anh D đều không sử dụng thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-Ixứ đồng Ao Làng xã TQ (tại phiên tòa anh D cũng đã khẳng định gia đình chưa bao giờ làm thủ tục kê khai hay xin đăng ký cấp QSD đối với thửa đất). Sau năm 1993, có thời gian gia đình anh D, chị H sử dụng, có thời điểm gia đình ông L quản lý sử dụng. Trước khi bị thu hồi thì diện tích đất này đang để hoang, khi có kế hoạch thu hồi thì cả gia đình ông D và gia đình ông L cùng kê khai. Tại Quyết định về việc thu hồi đất số 1776/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND thành phố SC tỉnh Thái Nguyên đã thể hiện: mục ghi tên người sử dụng đất có đất thu hồi là ông Phạm Văn D, nhưng phần ghi chú lại ghi “có GCNQSDĐ tên Dương Thế L” (BL 04-05)

[8] Từ những phân tích trên thấy kháng cáo của bà Dương Thị T1, ông Dương Thế G, ông Dương Văn B là có căn cứ chấp nhận. Bản thân ông Dương chưa bao giờ làm thủ tục kê khai xin cấp QSD đối với thửa đất số 88 tờ bản đồ 114-I và cũng chưa được công nhận QSH trên bất kỳ văn bản tài liệu nào của cơ quan có thẩm quyền cấp đất; phần đất này cấp cho ông L cho đến năm 2019 mới bị thu hồi để phục vụ dự án. Mặt khác, trong quá trình quản lý sử dụng, bà Đ có kê khai các diện tích đất được giao để làm thừa kế cho các con, nhưng cũng không thấy bà Đ kê khai thửa đất này; Anh D khi phải kê khai các thửa đất ngoài khoán cũng không thấy kê khai thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu do ông Tuấn giao nộp, lời khai của ông H1 ông T4 cho rằng nhằm lần để xác định ông D sử dụng thửa đất này từ 1993 và đã nộp thuế hàng năm để khẳng định đất thuộc về ông D và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D giao toàn bộ số tiền có được do đền bù thửa đất cho ông D là chưa thỏa đáng.

[9] Hiện nay đất đã bị thu hồi, chỉ còn số tiền gốc là 123.758.400 đồng hiện đang được gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam Chi nhánh thành phố SC. Hội đồng xét xử thấy, mặc dù hộ ông Dương Thế L được cấp thửa đất này nhưng cũng không sử dụng liên tục. Mặc dù gia đình anh D không được cấp QSD đối với thửa đất số 88, nhưng anh D cũng đã có thời gian sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước. Thấy cần giao cho ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L theo tỷ lệ 6/4 số tiền đền bù gốc và cả lãi phát sinh là phù hợp với thực tế mà vẫn đảm bảo công bằng và quyền lợi của các bên đương sự, đảm bảo quy định của pháp luật.

Cụ thể, ông Phạm Văn D được quyền quản lý sử dụng số tiền gốc 74.255.040 đồng và lãi phát sinh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Dương Thế L là các ông bà Dương Xuân Tr, Dương Thị V, Dương Thế G,

Dương Văn B , Dương Thị T , Dương Thị T1, Dương Thị T2 được quyền đồng quản lý sử dụng 49.503.360đồng và lãi phát sinh. Các bên có quyền liên hệ với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam Chi nhánh thành phố SC và bà Đặng Thị Hồng Th , cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC để nhận lại khoản tiền này.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị T1, ông Dương Thế G , ông Dương Văn B , sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 24/9/202 của Tòa án nhân dân thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D và bà Dương Thị H .

2. Ông Phạm Văn D và bà Dương Thị H được quyền sở hữu số tiền gốc 74.255.040đồng và 60% số tiền lãi phát sinh; Các ông bà Dương Xuân Tr , Dương Thị V , Dương Thế G , Dương Văn B , Dương Thị T , Dương Thị T1, Dương Thị T2 (là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Dương Thế L đã chết) được quyền đồng sở hữu số gốc 49.503.360đồng và 40% số tiền lãi phát sinh là tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với thửa đất số 88, diện tích thực tế 437m², tờ bản đồ địa chính 114-I có địa chỉ tại xóm BL (LC cũ) xã TQ , TP SC , tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND thành phố SC) tại tài khoản số 8509601565506 của Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00016884626 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam chi nhánh thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên, ngày phát hành 11/9/2019 đứng tên chị Đặng Thị Hồng Th là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố SC và chị Đặng Thị Hồng Th có trách nhiệm phối hợp làm thủ tục chi trả cho các ông bà có tên nêu trên số tiền gốc và lãi phát sinh.

3. Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Thế L là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Ông Phạm Văn D được hoàn trả 3.100.000 đồng (Ba triệu, một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008066 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị T1, ông Dương Thế G , ông Dương Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai số 0001477, 0001476, 0001478 cùng ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP SC ;
- THADS TP SC ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuỷ